

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày

tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Xá, huyện Tân Yên”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 505/TTr-TNMT ngày 11/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Xá, huyện Tân Yên” (sau đây gọi là dự án) của UBND xã Cao Xá (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả, các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-TNMT ngày 08/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Tân Yên; UBND xã Cao Xá và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- UBND xã Cao Xá (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
“XÂY DỰNG MỚI TRẠM Y TẾ XÃ CAO XÁ, HUYỆN TÂN YÊN”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án đầu tư

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng mới trạm y tế xã Cao Xá, huyện Tân Yên.
- Địa điểm thực hiện: Xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân xã Cao Xá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án “Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Xá, huyện Tân Yên” được thực hiện tại xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô, công suất dự án: Tổng diện tích dự án 3.347,87 m², bao gồm các hạng mục:

+ Nhà khám bệnh 02 tầng, với tổng diện tích sàn 650 m² (trong đó: diện tích sàn tầng 1 là 325 m²; tầng 2 là 325 m²).

+ Các hạng mục phụ trợ: Nhà bếp + ăn có diện tích 40,4 m²; nhà để xe có diện tích 62,4 m²; sân, đường nội bộ có diện tích 1.594,6 m²; vườn thuốc nam có diện tích 274 m²; cổng, tường rào, bể chứa nước, hệ thống thoát nước...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà khám bệnh 02 tầng, nhà bếp - nhà ăn, nhà để xe, sân đường nội bộ, vườn thuốc nam, cổng, tường rào; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát, xử lý nước thải; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống cấp điện; nhà chứa rác thải.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Xá, huyện Tân Yên” có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án khoảng 7.000 m², trong đó diện tích đất lúa cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khoảng 7.000 m².

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Xá, huyện Tân Yên” thì tổng diện tích sử dụng đất của dự án khoảng 3.347,87 m², trong đó diện tích đất lúa cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng khoảng 3.347,87 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm 3.347,87 m² đất lúa.
- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng như phát quang thảm thực vật.
- Hoạt động trong quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng:
 - + Bụi phát sinh từ hoạt động hoạt động đào đắp, san nền; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, quá trình lưu trữ nguyên vật liệu,...
 - + Bụi, khí thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công xây dựng,...
 - + Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn kim loại.
 - + Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công (từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị và từ hoạt động rửa xe,...) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.
 - + Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; đất đào phát sinh từ hoạt động thi công san nền và xây dựng các hạng mục công trình dự án; từ hoạt động phát quang thảm thực vật; chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.
 - Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro, sự cố thiên tai, sự cố liên quan tới đề điều trên tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng (cát) gây ra,...

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động các phương tiện giao thông ra vào dự án; khí thải từ hoạt động khám, chữa bệnh; khí thải từ hoạt động đun nấu tại nhà bếp; khí thải và mùi phát sinh từ khu nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước thải, khu lưu chứa rác.
- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và bệnh nhân tại dự án; nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh; nước thải từ hoạt động rửa thuốc Đông y và nước mưa chảy tràn trên bề mặt.
- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và bệnh nhân tại dự án; chất thải rắn y tế thông thường phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Chất thải nguy hại từ hoạt động khám chữa bệnh, tiêm chủng tại dự án, từ hoạt động hàng ngày của các phòng ban và cán bộ, nhân viên, từ quá trình thay thế định kỳ lớp cát hấp thụ tại hố thu nước thải y tế.
- Tác động do sự cố cháy nổ, sự cố do thiên tai, sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm, sự cố lan truyền dịch bệnh, sự cố về bề tự hoại, sự cố đối với chất thải y tế nguy hại, sự cố hố thu nước thải y tế,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,8 m³/ngày đêm trong giai đoạn xây dựng cơ bản, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

+ Nước thải thi công:

++ Nước thải từ các hoạt động thi công và từ quá trình vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới phục vụ xây dựng (như: cuốc, xẻng, xô, máy trộn bê tông,...) khoảng 3 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

++ Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa xe trước khi ra khỏi công trường khoảng 1,5 m³/ngày, với thành phần chủ yếu là TSS.

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn trôi các chất bẩn như nguyên vật liệu rơi vãi, đất đá, bao bì nilon,... gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS,...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất san lấp và nguyên vật liệu thi công xây dựng; từ các phương tiện, máy móc thi công xây dựng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, NO_x, CO, SO₂,...

+ Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu... với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 15 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật khoảng 0,34 tấn, với thành phần chủ yếu là thân cành, rễ, lá cây, cỏ dại,...

+ Đất nạo vét hữu cơ phát sinh khoảng 1.122 m³, tương đương khoảng 1.346,4 tấn (tỷ trọng khoảng 1,2 tấn/m³).

+ Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng (như: đầu mẫu sắt thép, bao bì, cốp pha, gạch vỡ, cặn bê tông...) khoảng 26,7 kg/ngày.

+ Ngoài ra, còn có lượng đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đất đắp từ mỏ đất đến dự án.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng (như: găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại (dầu, mỡ), bóng đèn huỳnh quang thải, vỏ hộp đựng sơn, que hàn thải...) khoảng 245 kg/năm.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; tác động tới giao thông của khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; cộng đồng dân cư xung quanh; tác động đến việc tiêu thoát nước khu vực; tác động đến hệ sinh thái; tác động đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng ...

- Tác động do sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố do thiên tai; sự cố lún nứt, sập đổ công trình...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và bệnh nhân tại dự án khoảng 1,425 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD,...

- Nước thải từ hoạt động rửa thuốc Đông y khoảng 0,03 m³/ngày, chủ yếu là cặn bụi, đất,...

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh: Nước rửa dụng cụ y tế, rửa tay của cán bộ nhân viên khi thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật y tế đơn giản. Lưu lượng khoảng 0,05 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là các vi khuẩn gây bệnh, hàm lượng hữu cơ cao (BOD₅ và COD), chất rắn lơ lửng.

* Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án kéo theo các chất bẩn như bụi đường, bụi trên mái các công trình, các loại rác vô cơ như cành, lá rế cây...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...;

- Khí thải từ hoạt động đun nấu, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂, THC...

- Khí thải và mùi phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh; từ khu nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước thải, khu lưu chứa rác.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và bệnh nhân tại dự án khoảng 15 kg/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại phát sinh khoảng 1,2 m³/năm.

* Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh khoảng 2,5 kg/ngày.

* Chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại từ hoạt động khám chữa bệnh, tiêm chủng tại dự án, từ hoạt động hàng ngày của các phòng ban và cán bộ, nhân viên, với thành phần chủ yếu là chất thải lây nhiễm (chủ yếu chất thải sắc nhọn), các thiết bị y tế vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa hoá chất, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang,...phát sinh khoảng 71,25 kg/năm.

- Chất thải nguy hại từ quá trình thay thế định kỳ lớp cát hấp thụ tại hồ thu nước thải y tế, với thành phần chủ yếu là bùn cát thải có chứa thành phần nguy hại phát sinh khoảng 300 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn từ hoạt động của các thiết bị máy móc phục vụ công tác khám chữa bệnh và các phương tiện giao thông của cán bộ, nhân viên và người dân đến dự án. Do đó, tiếng ồn, độ rung diễn ra không thường xuyên, trong khoảng thời gian ngắn và phát sinh không đáng kể.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội.

- Tác động do sự cố thiên tai; sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm, sự cố lan truyền dịch bệnh, sự cố về bể tự hoại, sự cố hồ thu nước thải y tế, sự cố liên quan tới chất thải y tế nguy hại...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án có phương án thuê nhà vệ sinh di động. Nhà vệ sinh di động có dung tích bồn chứa 500 lít vận hành theo cơ chế: Dùng các bồn chứa di động (3 ngăn) để thu gom nước thải và dùng chế phẩm vi sinh xử lý trực tiếp, sau đó thải ra ngoài môi trường. Khi bồn chứa đầy sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút cạn và đem đi xử lý theo quy định. Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, dự án sẽ không sử dụng nhà vệ sinh di động nữa và hoàn trả nhà cung ứng.

+ Nước thải thi công (chủ yếu là nước rửa dụng cụ): Chủ dự án bố trí 02 thùng phi có dung tích 500 lít/thùng để chứa đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới đập bụi trong khu vực thi công và phối trộn vật liệu xây dựng, không xả thải ra môi trường.

+ Nước thải từ quá trình xịt rửa xe: Nước thải từ quá trình xịt rửa xe được dẫn xuống hố lắng để lắng cặn, nước trong chảy vào hố thu được tuần hoàn sử dụng để rửa xe. Còn phần bùn đất sẽ được nạo vét định kỳ (tần suất 02 tuần/lần) và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại dự án. Hố lắng và hố thu kết cấu bằng đất, có lót bạt chống thấm; kích thước hố lắng BxLxH=1,5mx1mx1m, hố thu BxLxH=2mx1mx1m.

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

+ Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Các tuyến thoát nước mưa này phải được nạo vét định kỳ (tần suất 03 tháng/lần), đảm bảo bùn đất, rác thải không làm ảnh hưởng tới dòng chảy.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện tưới nước ở những khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp mặt bằng, nguyên vật liệu xây dựng tại những vị trí qua khu đông dân cư, trường học để giảm bụi, với tần suất tưới nước từ 2-4 lần/ngày.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng trước khi ra công trường thi công phải tiến hành xịt rửa bánh xe, thành xe, Chủ dự án bố trí khu vực rửa xe trên khu vực công trường, gần tuyến đường bê tông khu vực.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy móc thi công phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động. Bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận chuyển và máy móc thi công (tần suất 03 tháng/lần).

- Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công yêu cầu các chủ phương tiện có trách nhiệm bố trí phương tiện, nhân lực, dụng cụ (xẻng) trong việc thu gom đất, cát rơi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

- Công nhân được cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ lao động khi làm việc tại khu vực công trường.

- Lắp dựng hàng rào tôn cao 2m vây xung quanh phần diện tích khu vực dự án để tránh bụi từ hoạt động san nền, thi công xây dựng làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hộ dân đặc biệt là khu phía Tây và phía Nam dự án.

- Các bãi tập kết nguyên vật liệu phải được tiến hành che phủ bạt khi cần thiết, đặc biệt vào những ngày thời tiết hanh khô, nắng nóng và có gió to, gió sẽ dễ dàng làm cuốn theo bụi, cát làm ô nhiễm môi trường khu vực.

- Trong khu vực trút đổ vật liệu như đất, cát, đá phải được phun ẩm, tránh hiện tượng khô hanh gây phát tán bụi ra xung quanh.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thuê công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm hạn chế chất thải sinh hoạt phát sinh.

+ Bố trí 01 thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng tại khu vực thi công để công nhân thải bỏ chất thải khi phát sinh. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải tại địa phương đem đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần).

- Chất thải rắn thông thường:

+ Phát quang thảm thực vật: Trước khi thi công 02 tháng, Chủ dự án thông báo kế hoạch thi công đến thôn - nơi có các hộ dân có đất nằm trong dự án để người dân có kế hoạch gieo trồng và thu hoạch nông sản phù hợp, tránh gây lãng phí. Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau.

+ Đất đá rơi vãi được thu gom, tận dụng làm vật liệu san lấp tại mặt bằng đường giao thông vào khu vực dự án, không đổ thải ra môi trường xung quanh.

+ Đất nạo vét hữu cơ (khoảng 1.122 m³) được tận dụng đắp vào khu đất trồng cây xanh trong phạm vi dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Trường hợp sử dụng đất đào này làm vật liệu xây dựng, làm vật liệu san lấp mặt bằng, đắp nền cho dự án hoặc các công trình, dự án khác, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành trên thực địa.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các chất thải có thể tái sử dụng (như: sắt, thép,...) được bán cho đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng.

+ Các chất thải (như: bê tông, gạch vỡ) được đập nhỏ tận dụng để san nền dự án.

+ Các chất thải (như: cốp pha, ván khuôn,...) được tận dụng tối đa cho hoạt động thi công xây dựng công trình và tận dụng cho các công trình khác.

+ Các loại chất thải còn lại không tái sử dụng được vận chuyển đến vị trí bãi đổ thải của dự án (tần suất 01 tuần/lần).

++ Bãi đổ thải của dự án có vị trí tại thôn Ngọc Yên Ngoài, xã Cao Xá, huyện Tân Yên. Hiện trạng bãi đổ thải là khu đất trống, cây bụi với diện tích cho phép đổ thải là 30 m²; chiều cao cho phép đổ thải là 2 m. Cự ly vận chuyển đất đổ thải từ công trình đến bãi đổ thải xa nhất khoảng 2,5 km.

++ Biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình đổ thải:

+++ Đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển như: chở đúng tải trọng, di chuyển đúng tốc độ cho phép, sắp xếp số lượt xe phù hợp không tập trung nhiều xe cùng một lúc, giảm tốc độ khi đi qua khu dân cư và các góc cua, bố trí người điều khiển giao thông ở công công trường.

+++ Trong quá trình đổ đất đá tại bãi thải sẽ phát sinh bụi cuốn theo gió phát tán ra khu vực xung quanh ảnh hưởng đến chất lượng không khí, môi trường và sức khỏe của người dân. Một số biện pháp được đề xuất như: Thực hiện công tác lu lèn, đầm chặt bề mặt ngay sau khi đổ thải để hạn chế tối đa tác động của bụi do gió cuốn lên phát tán ra môi trường; tiến hành phun nước tưới ẩm trong quá trình đổ thải với tần suất khoảng 4 lần/ngày và tăng lên 5 đến 6 lần/ngày vào những ngày có gió, thời tiết hanh khô.

+++ Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu trên trong suốt thời gian đổ thải.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Bố trí 02 thùng phuy có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời diện tích 4m² trong khu vực công trường (kho chứa có nền xi măng, mái lợp phibroximang, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (*tần suất 01 lần sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng*).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ định kỳ.

- Không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực thi công. Thời gian thi công hoạt động từ 06h-11h30 và 13h-18h.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Lắp đặt biển báo công trường đang thi công tại các khu vực dễ nhận thấy.

- Bố trí cán bộ hướng dẫn, phân luồng khi lưu lượng phương tiện giao thông vào dự án và phương tiện tham gia giao thông tăng cao.

- Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương nhằm đáp ứng công ăn, việc làm tăng thêm thu nhập, đồng thời giảm số lượng công nhân ở lại qua đêm tại lán trại.
- Tuyên truyền, giáo dục ý thức của công nhân nhằm tránh phát sinh mâu thuẫn, xung đột với người dân địa phương, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực.
- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia thi công xây dựng theo đúng quy định.
- Thường xuyên nhắc nhở, giáo dục công nhân tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng các thiết bị, phương tiện đúng quy định.
- Các xe tải vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi,...
- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (như: bình bột, bình CO₂, cát,...).
- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm để hạn chế sự tắc nghẽn. Bố trí các máy bơm dự phòng để chống ngập tạm thời trong quá trình san lấp mặt bằng khi chưa thi công xong các tuyến cống thoát nước.
- Thường xuyên khơi thông, nạo vét mương thoát nước tiếp giáp phía Nam dự án.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ tại thiết bị tách dầu mỡ, đầu nối vào hố ga ngoài nhà, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của dự án (*tuyến thoát nước mưa 02*). Dự kiến lắp đặt 01 thiết bị tách dầu mỡ có kích thước: 500 mm x 300 mm x 300 mm.

+ Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thoát theo hệ thống ống dẫn vào 02 bể tự hoại xây ngầm, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của dự án (*tuyến thoát nước mưa 02*). Trong đó có 01 bể tự hoại 06 m³ để xử lý nước thải của nhà vệ sinh khu nhà khám bệnh 2 tầng; 01 bể tự hoại 04 m³ để xử lý nước thải sinh hoạt của nhà vệ sinh tại khu nhà bếp ăn.

Để tăng hiệu quả xử lý của bể tự hoại định kỳ (06 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để khử mùi hôi và tăng cường quá trình trao đổi, phân giải các chất hữu cơ trong nước thải, nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình, với liều lượng 100 g/1m³.

- Nước thải từ quá trình rửa thuốc Đông y cơ bản là nước sạch chứa bụi đất và thân lá hỏng, được giữ lại tại song chắn rác, sau đó nước được thoát ra hệ thống thoát nước mưa của dự án (*tuyến thoát nước mưa 02*).

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh (gồm: nước rửa dụng cụ y tế, rửa tay của cán bộ, nhân viên khi thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật y tế đơn giản): Sau khi thực hiện tiểu phẫu tại buồng thủ thuật/buồng khám:

+ Cán bộ y tế sẽ làm sạch tay bằng dung dịch khử khuẩn

+ Các dụng cụ được dùng để thực hiện các thủ thuật (như: khâu, rửa vết thương mềm...) có dính máu, vi sinh vật. Máu dính trên dụng cụ y tế được nhân viên y tế dùng bông y tế lau sạch, lưu giữ vào các thùng/hộp chứa chất thải nguy hại để vận chuyển đi xử lý theo quy định; dụng cụ được rửa dưới vòi nước sạch.

+ Các dụng cụ được dùng để thực hiện các thủ thuật liên quan đến sản khoa, sinh đẻ kế hoạch hóa gia đình có dính mô, mẫu bệnh phẩm, máu, vi sinh vật. Tất cả các các mô, mẫu bệnh phẩm, máu dính trên dụng cụ y tế được nhân viên y tế dùng bông y tế lau sạch, lưu giữ vào các thùng hoặc hộp chứa chất thải nguy hại để vận chuyển đi xử lý theo quy định. Để xử lý triệt để các loại vi khuẩn hoặc nấm gây bệnh bám dính trên dụng cụ, dụng cụ y tế sẽ được ngâm với dung dịch khử khuẩn hoặc viên khử khuẩn.

Tất cả nước thải từ các quá trình này theo đường ống thu gom nước thải dẫn vào đường ống D110 dài 30m (ngoài nhà khám bệnh 2 tầng) chảy vào hố thu nước thải. Tại đây, nước thải được xử lý bước cuối cùng bằng cách lắng lọc nhờ vật liệu cát và khử trùng bằng Cloramin B. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, sau đó được dẫn vào hệ thống thoát nước mưa của dự án (*tuyến thoát nước mưa 02*) và thoát ra mương thoát nước khu vực do UBND xã Cao Xá quản lý.

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa bao gồm hệ thống thoát nước mưa trên mái nhà và hệ thống rãnh thoát nước mưa trên bề mặt sân, đường đi, khu vực khuôn viên cây xanh.

+ Hệ thống thoát nước mưa theo 02 tuyến chính:

++ Tuyến thoát nước mưa 01: Nước mưa trong khu vực khuôn viên cây xanh và sân đường phía trước mặt dự án được thu vào các tuyến rãnh B400 dẫn vào tuyến cống D1000 (cống thoát nước của tuyến đường Hoàng Quốc Việt quy hoạch).

++ Tuyến thoát nước mưa 02: Nước mưa trên mái nhà được thu vào các ống đứng có đường kính DN90 dẫn xuống tầng 1 thoát ra cùng hệ thống rãnh thoát nước B400 dưới sân nhà, sau đó thoát ra mương thoát nước phía Nam dự án.

+ Các hố ga thu thăm được bố trí trên tuyến rãnh thoát nước có kết cấu xây gạch, đáy đan bê tông cốt thép. Hố ga được bố trí cách nhau 10-35 m.

+ Định kỳ 06 tháng/lần, thực hiện nạo vét, kiểm tra hệ thống cống, rãnh, hố ga thu nước, tránh ứ đọng, tắc nghẽn, gây ngập úng và bốc mùi hôi thối.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên vệ sinh bên trong và bên ngoài dự án.

- Phun nước tưới ẩm các khu vực có nguy cơ ô nhiễm bụi và các tuyến đường nội bộ bên trong dự án vào các ngày nắng nóng và gió lớn.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án.

- Phun các chất sát khuẩn tại khu vực nhà vệ sinh, thay thế nắp cống hỏng, định kỳ tiến hành nạo vét cống, rãnh thoát nước để hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

- Các phòng khám có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí đồng bộ và được thiết kế đảm bảo số lần trao đổi không khí tự nhiên và nhân tạo theo các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ cho cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án.

- Đối với mùi phát sinh từ khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn được chứa trong bao bì và thùng đựng có nắp đậy để hạn chế mùi sinh ra từ quá trình phân hủy chất hữu cơ.

- Đối với mùi phát sinh từ khu nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh của dự án thường xuyên được dọn rửa và khử mùi. Tại mỗi nhà vệ sinh sẽ bố trí 01 quạt hút mùi.

- Đối với mùi phát sinh từ hệ thống thu gom, thoát nước thải: Định kỳ kiểm tra tình trạng thu gom, thoát nước thải của hệ thống cống thoát nước, nạo vét, sửa chữa khi cần để đảm bảo nước thải không tồn đọng trong khu vực dự án gây mùi hôi khó chịu.

- Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí tại các phòng.

- Các phương tiện giao thông ra vào dự án phải tắt máy xuống xe, đỗ vào nhà để xe tuân thủ đúng quy định của dự án.

- Thực hiện thu gom ngay sau khi phát sinh chất thải, không vớt ra bên ngoài, không để tạm bợ. Thực hiện thu gom rác định kỳ sau cuối ngày làm việc hoặc khi túi rác chứa đầy 3/4 về kho chứa rác của dự án. Không lưu chứa rác trong thời gian dài, tránh các hoạt động phân huỷ, lây nhiễm phát tán mùi ra ngoài môi trường.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí khoảng 10 thùng đựng rác có nắp đậy, dung tích khoảng 50 lít/thùng, đặt tại khu vực văn phòng, phòng khám bệnh, lối đi, nhà vệ sinh, khu lưu chứa rác để phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt là thức ăn thừa: cho người dân thu gom tận dụng đem về làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt không có khả năng tái chế: Lưu giữ tại các thùng đựng rác, Chủ dự án hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường địa phương để vận chuyển và xử lý rác thải hàng ngày.

+ Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế được thu gom vào khu lưu chứa rác thải của dự án có diện tích 2 m² (kết cấu kho chứa: khung thép, mái lợp tôn) và bán cho đơn vị có chức năng thu mua.

- Bùn thải từ bể tự hoại: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để hút bùn đem đi xử lý theo đúng quy định (tần suất 01 năm/lần hoặc khi đầy).

- Chất thải rắn y tế thông thường:

+ Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh (thùng 30 lít - 50 lít) tại các phòng, hành lang, nhà vệ sinh.... để thuận tiện cho bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân thải bỏ; Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý rác thải hàng ngày.

+ Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế được đựng trong túi (túi màu trắng loại 15 - 50 kg) hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng (thùng 15 lít - 30 lít) tại các phòng, hành lang, nhà vệ sinh... để thuận tiện cho bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân thải bỏ; được thu gom vào cuối ngày và tập kết tại kho lưu chứa rác thải diện tích 2 m², sau đó bán cho đơn vị tái chế.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

+ Thực hiện phân loại chất thải nguy hại ngay tại nơi phát sinh và thời điểm phát sinh.

+ Bố trí mỗi phòng đặt các thùng đựng chất thải khác nhau, dung tích từ 20-30 lít, có nắp đậy kín, bên trong đặt các túi màu tương ứng theo đúng quy định thuận tiện cho cán bộ y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân thải bỏ. Túi này được thay thế bằng túi mới cùng loại khi túi được vận chuyển đi.

+ Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy, bảo đảm không rơi, rò rỉ chất thải.

+ Toàn bộ lượng chất thải nguy hại khi phát sinh tại dự án được vận chuyển hàng ngày về Trung tâm Y tế huyện Tân Yên (*Trung tâm Y tế huyện Tân Yên đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định-là Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường An Sinh*).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tổ chức tiếp nhận người dân theo thứ tự, yêu cầu xếp hàng, tránh chông chéo, quá tải gây mất trật tự khám chữa bệnh.

- Quy định các phương tiện ra vào dự án phải tắt máy.

- Trồng và chăm sóc tốt hệ thống cây xanh trong khuôn viên nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy, chữa cháy và đặt tại các tầng đảm bảo ứng cứu kịp thời các sự cố xảy ra.

- Quản lý việc sử dụng các thiết bị điện đúng kỹ thuật. Tránh sử dụng điện quá tải làm ảnh hưởng hệ thống điện toàn công trình.

- Thành lập đội thường trực phòng chống bão lũ để kịp thời ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm theo Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ cho cán bộ, nhân viên và tích trữ các trang thiết bị, bảo hộ, thuốc men đề phòng dịch bệnh lan tràn.

- Thường xuyên kiểm tra toàn bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí lấy tại khu vực đang thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO,....

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT.

5.1.2. Nước thải sinh hoạt

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 1,8 m³/ngày đêm. Căn cứ khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

5.2.1. Nước thải sinh hoạt

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 1,43 m³/ngày đêm. Căn cứ khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.2.2. Nước thải y tế

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 0,05 m³/ngày đêm. Căn cứ khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu

gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai trong quá trình triển khai dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 505/TTr-TNMT ngày 11/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.